



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 313/TBHH-TCBĐATHHVN

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 28 tháng 12 năm 2023



THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật vùng nước trước cầu cảng dịch vụ biển
thuộc bến cảng Cát Lái (Tân Cảng)

HCM – 62 – 2023

Vùng biển: Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên luồng: Luồng hàng hải Đồng Nai.

Căn cứ Đơn đề nghị số 271/2023/CV-TCO ngày 25/12/2023 của Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng về việc đề nghị công bố thông báo hàng hải thông số kỹ thuật khu nước cầu cảng Dịch vụ biển thuộc bến cảng Cát Lái (Tân Cảng).

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật khu nước cầu cảng dịch vụ biển thuộc bến cảng Cát Lái (Tân Cảng) như sau:

1. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước bến, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

1.1. Khu vực 1:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000		Hệ tọa độ WGS 84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
CL2	10°45'36,2"N	106°47'27,5"E	10°45'32,5"N	106°47'33,9"E
CL3	10°45'39,4"N	106°47'34,1"E	10°45'35,7"N	106°47'40,5"E
CL7	10°45'39,3"N	106°47'34,2"E	10°45'35,6"N	106°47'40,7"E
CL8	10°45'36,0"N	106°47'27,4"E	10°45'32,4"N	106°47'33,9"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 8,8 m.

1.2. Khu vực 2:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000		Hệ tọa độ WGS 84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
CL8	10°45'36,0"N	106°47'27,4"E	10°45'32,4"N	106°47'33,9"E
CL7	10°45'39,3"N	106°47'34,2"E	10°45'35,6"N	106°47'40,7"E
CL5	10°45'37,7"N	106°47'36,6"E	10°45'34,0"N	106°47'43,1"E
CL6	10°45'33,1"N	106°47'27,3"E	10°45'29,5"N	106°47'33,7"E

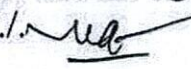
Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 9,3 m.

2. Trong phạm vi khảo sát khu nước ra luồng, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000		Hệ tọa độ WGS 84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
CL6	10°45'33,1"N	106°47'27,3"E	10°45'29,5"N	106°47'33,7"E
CL5	10°45'37,7"N	106°47'36,6"E	10°45'34,0"N	106°47'43,1"E
CL4	10°45'36,4"N	106°47'38,6"E	10°45'32,7"N	106°47'45,0"E
CL1	10°45'30,6"N	106°47'27,1"E	10°45'27,0"N	106°47'33,5"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 9,9 m.

Số liệu độ sâu căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu DVB_2312 tỷ lệ 1/1000 do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 12 năm 2023.

Để biết thêm thông tin chi tiết đề nghị liên hệ trực tiếp với Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng ⁽¹⁾. / 

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải TP. Hồ Chí Minh;
- Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực I;
- Cty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng công ty BDATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu: VT-VP, P.ATHH_{Dat}.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

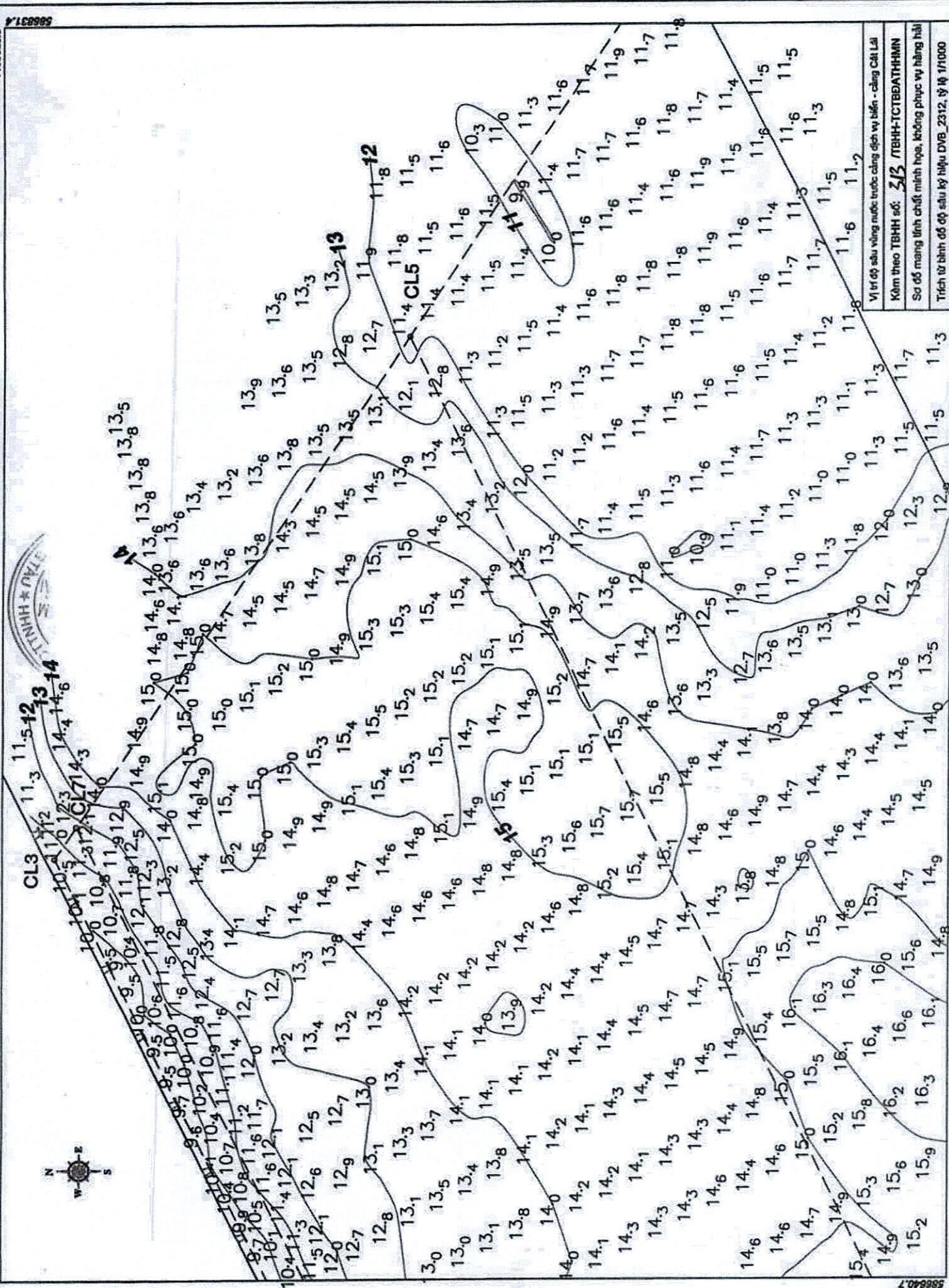


Đinh Thái Công

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3. điều 47. Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển
- 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 4 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - Liên danh Việt – Nga Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans)
 - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)
- 7 Cty CP Vận tải Xăng dầu VITACO
- 8 Cty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
- 9 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)
 - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế
 - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang
 - Cty Vận tải Biển Bắc
- 10 Cty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart)
- 11 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn)
- 12 Cty Vận Tải & Cung ứng Xăng Dầu Đường Biển
- 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip)
- 14 Cty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOSCO)
- 15 Cty CP Vận tải biển VINASHIP
- 16 Bộ đội Biên phòng TP Hồ Chí Minh
- 17 Phòng CSGT đường thủy TP. HCM
- 18 Sở GTVT và Sở NN&PTNT TP. Hồ Chí Minh
- 19 Sở GTVT và Sở NN&PTNT tỉnh Đồng Nai
- 20 Trường Đại học GTVT TP. Hồ Chí Minh
- 21 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP. HCM
- 22 Cty CP Cảng Sài Gòn
- 23 Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- 24 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 25 Cty Phương Nam – Bộ Quốc phòng
- 26 CN1 – Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 27 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ
- 28 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam
- 29 Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng



Vị trí độ sâu vùng nước trước cảng vụ biển - cảng Cầu Lái
Kèm theo TBHH số: 313 /TBHH-TCTBĐAHHMN
Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
Trích từ bình đồ độ sâu kỷ hiệu DVB_2312, tỷ lệ 1/1000

Kinh tuyến trục 106 độ, mũi chiếu 3 độ



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 316 /TBHH-TCTBĐATHHMN

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 12 năm 2023

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật độ sâu khu nước trước Bến cảng **Xăng dầu**
Sài Gòn Petro



HCM - 64 - 2023.

Vùng biển: Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên luồng: luồng hàng hải Đồng Nai.

Căn cứ Đơn đề nghị số 1782/CV-DK-VTXDCB ngày 28/12/2023 của Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí thành phố Hồ Chí Minh (Saigon Petro., Ltd.) về việc đề nghị công bố thông báo hàng hải thông số kỹ thuật độ sâu khu nước trước Bến cảng Xăng dầu Sài Gòn Petro.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật độ sâu khu nước trước Bến cảng Xăng dầu Sài Gòn Petro như sau:

1. Trong phạm vi khảo sát khu nước bến khai thác tàu 32.000 DWT giảm tải cầu cảng A được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	10°45'21,6"N	106°46'58,2"E	10°45'18,0"N	106°47'04,7"E
A2	10°45'21,1"N	106°47'00,1"E	10°45'17,4"N	106°47'06,6"E
A3	10°45'16,1"N	106°46'51,0"E	10°45'12,5"N	106°46'57,5"E
A4	10°45'18,0"N	106°46'51,6"E	10°45'14,4"N	106°46'58,0"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz, tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt 10,5 m.

2. Trong phạm vi khảo sát khu nước bến khai thác tàu 32.000 DWT cầu cảng B được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
B1	10°45'18,3"N	106°46'51,9"E	10°45'14,6"N	106°46'58,4"E
B2	10°45'17,5"N	106°46'53,8"E	10°45'13,8"N	106°47'00,2"E
B3	10°45'13,9"N	106°46'44,0"E	10°45'10,3"N	106°46'50,4"E
B4	10°45'15,7"N	106°46'44,8"E	10°45'12,1"N	106°46'51,3"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz, tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 11,3 m.

3. Trong phạm vi khảo sát khu nước bên khai thác tàu 1.000 DWT mặt trong cầu cảng A được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A5	10°45'20,7"N	106°46'54,1"E	10°45'17,0"N	106°47'0,5"E
A6	10°45'22,2"N	106°46'56,9"E	10°45'18,5"N	106°47'3,4"E
A7	10°45'21,5"N	106°46'56,7"E	10°45'17,8"N	106°47'3,2"E
A8	10°45'20,2"N	106°46'54,3"E	10°45'16,6"N	106°47'0,8"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz, tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 5,8 m.

4. Trong phạm vi khảo sát Vũng quay tàu cầu A1 được giới hạn bởi đường tròn có bán kính $R = 37,5$ m, tâm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
R2	10°45'22,7"N	106°46'56,6"E	10°45'19,0"N	106°47'3,1"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz, tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 2,8 m.

5. Trong phạm vi khảo sát Khu nước bên khai thác tàu 1.000 DWT bên hạ lưu cầu cảng A1 (phía trong) được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1-1	10°45'20,5"N	106°46'50,5"E	10°45'16,8"N	106°46'57,0"E
A1-2	10°45'20,7"N	106°46'49,9"E	10°45'17,0"N	106°46'56,3"E
A1-3	10°45'22,1"N	106°46'52,7"E	10°45'18,4"N	106°46'59,1"E
A1-4	10°45'21,6"N	106°46'52,9"E	10°45'18,0"N	106°46'59,4"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz, tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 2,1 m.

6. Trong phạm vi khảo sát Khu nước bên khai thác tàu 1.000 DWT bên hạ lưu cầu cảng A1 (phía ngoài) được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1-5	10°45'20,2"N	106°46'50,7"E	10°45'16,6"N	106°46'57,1"E
A1-6	10°45'19,6"N	106°46'50,4"E	10°45'15,9"N	106°46'56,9"E

A1-7	10°45'21,0"N	106°46'53,3"E	10°45'17,3"N	106°46'59,7"E
A1-8	10°45'21,4"N	106°46'53,0"E	10°45'17,7"N	106°46'59,5"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz, tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt 4,1 m.

7. Trong phạm vi khảo sát Khu nước bến khai thác tàu 1.000 DWT bên thượng lưu cầu cảng A1 (phía trong) được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1-9	10°45'23,1"N	106°46'55,8"E	10°45'19,4"N	106°47'02,2"E
A1-10	10°45'23,7"N	106°46'56,0"E	10°45'20,1"N	106°47'02,4"E
A1-11	10°45'22,3"N	106°46'53,2"E	10°45'18,7"N	106°46'59,6"E
A1-12	10°45'21,9"N	106°46'53,4"E	10°45'18,2"N	106°46'59,8"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz, tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt 2,4 m.

8. Trong phạm vi khảo sát Khu nước bến khai thác tàu 1.000 DWT bên thượng lưu cầu cảng A1 (phía ngoài) được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1-13	10°45'22,8"N	106°46'55,9"E	10°45'19,2"N	106°47'02,3"E
A1-14	10°45'22,6"N	106°46'56,6"E	10°45'19,0"N	106°47'03,0"E
A1-15	10°45'21,2"N	106°46'53,7"E	10°45'17,6"N	106°47'00,2"E
A1-16	10°45'21,7"N	106°46'53,5"E	10°45'18,0"N	106°47'00,0"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz, tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt 3,9 m.

Số liệu độ sâu căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu PETRO_2312_01 và PETRO_2312_02 tỷ lệ 1/1000 do Xí nghiệp khảo sát hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 12 năm 2023.

Để biết thêm thông tin chi tiết đề nghị liên hệ trực tiếp với Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí thành phố Hồ Chí Minh (Saigon Petro.,Ltd.) ⁽¹⁾./. *ua*

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Thành phố HCM;
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải Khu vực I;
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải Tân Cảng;
- Công ty TNHH Thông tin điện tử Hàng hải VN;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, HTQT&QLHT;
- Lưu VT-VP, P. ATHH_{Nhiệm}.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

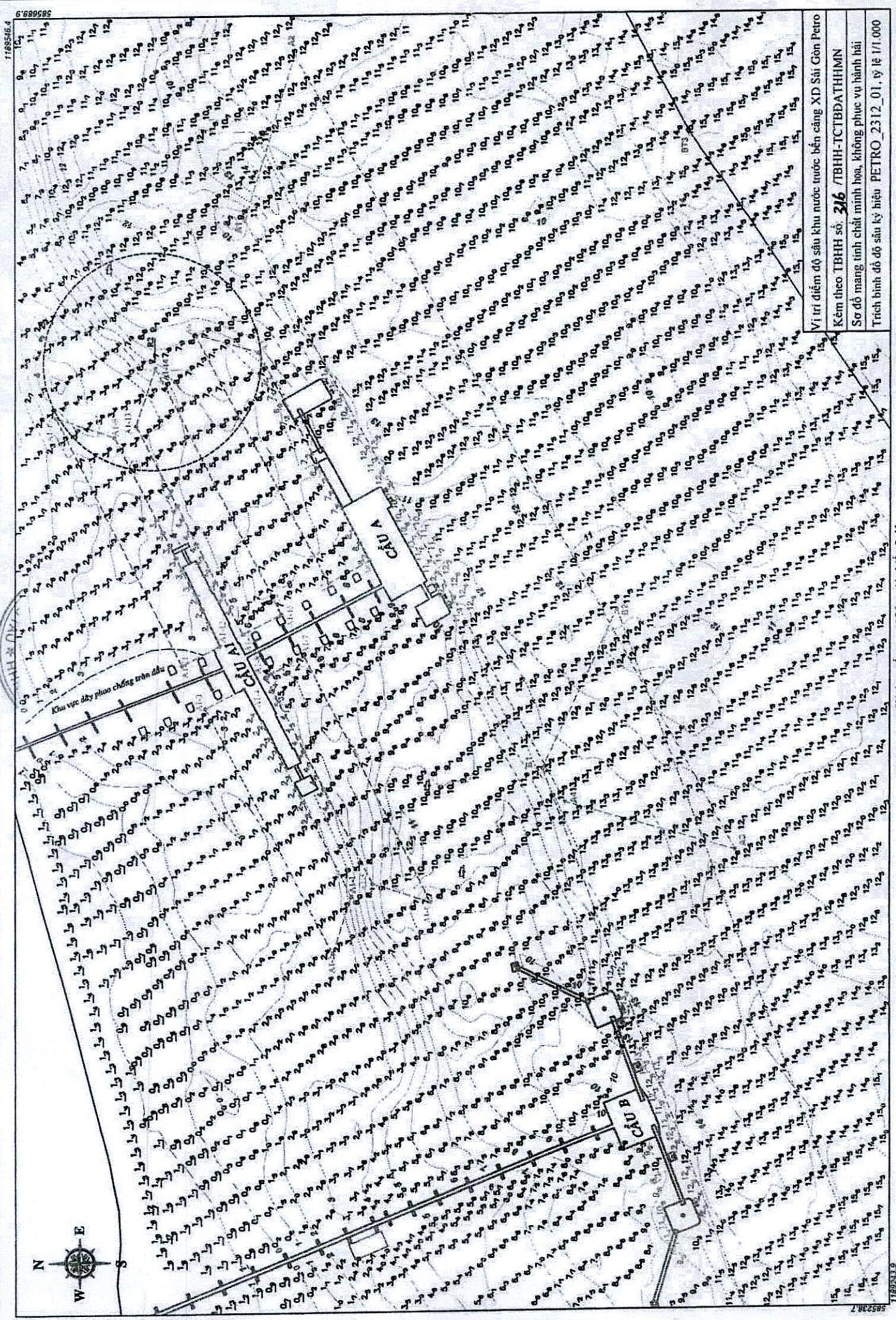


Đinh Thái Công

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 3 Bộ tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam
- 4 Chi Cục đường sông phía Nam
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 6 - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)
 - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu KV miền Nam
- 7 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 8 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam
 - Cty Vận tải Biển Đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đo (Dong Do MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác LĐ Quốc tế (INLACO SAIGON)
 - Công ty CP hàng hải Vinalines Nha Trang
- 9 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)
- 10 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 11 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 12 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)
- 13 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)
- 14 Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (Vitranchart)
- 15 Cty Vận tải xăng dầu đường biển
- 16 Cty Vận tải Biển Bắc
- 17 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I
- 18 Cty Vận tải biển Sài Gòn
- 19 Trường Cao đẳng Hàng hải II
- 20 Cảng Sài Gòn
- 21 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 22 XN Tàu dịch vụ dầu khí
- 23 XN Liên doanh dầu khí Việt Xô
- 24 Chi nhánh 1 – Công ty CP Trục vớt Cứu hộ VN
- 25 Công ty Phương Nam – Bộ Quốc Phòng
- 26 Sở GTVT & Sở NN&PTNT Tp.HCM
- 27 Bộ đội biên phòng Tp.HCM
- 28 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ
- 29 XN Khảo sát hàng hải miền Nam
- 30 Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí thành phố Hồ Chí Minh (Saigon Petro.,Ltd.)



1:85000

Vị trí điểm độ sâu khu nước trước bến cảng XD Sài Gòn Petro
Kèm theo TBHH số: 316 /TBHH-TCTBĐATHMN
Số đo mang tính chất minh họa, không phục vụ hành hải
Trích bình đồ độ sâu ký hiệu PETRO_2312_01, tỷ lệ 1/1.000

Kinh tuyến trục 106, múi chiều 3 độ

1:85000